

Bản án số: 940/2023/DS-ST

Ngày 30 tháng 5 năm 2023

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thiện Liên Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lâm Thị Hoàng Oanh

2. Ông Nguyễn Văn Hoàng

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Xuân Trường, là Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Diễm - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 30 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai đối với vụ án dân sự thụ lý số 1019/2021/TLST-DS ngày 06 tháng 10 năm 2021 về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 143/2023/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 128/2023/QĐST-DS ngày 05 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Ngân hàng A**

Địa chỉ: 111A, phường B, quận M, Thành phố Hồ Chí Minh

Đại diện theo pháp luật: Ông C - Tổng Giám đốc

Đại diện theo ủy quyền: Ông D (Giấy ủy quyền số 009322.22 lập ngày 14 tháng 02 năm 2022)

Địa chỉ: 26 U, Phường K, quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt).

Bị đơn: Ông B

Sinh năm: 1992

Địa chỉ: Cư xá T, Phường X, quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các bản tự khai và các biên bản tại Tòa án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 06/01/2017, ông B có ký với Ngân hàng A hợp đồng tín dụng (cho vay mua ô tô tiêu dùng) số 0009.HDTD.VIB643.17. Theo đó, Ngân hàng A cho ông B vay số tiền là 1.114.000.000 (một tỷ, một trăm mười bốn triệu) đồng. Mục đích vay dùng để mua 01 xe ô tô nhãn hiệu BMW, loại 218i, biển kiểm soát 51G-250.94 để phục vụ nhu cầu đi lại. Thời hạn vay là 96 (chín mươi sáu) tháng tính từ ngày 06/01/2017 đến ngày 06/01/2025. Lãi suất tại thời điểm giải ngân là 8,49%/năm. Mức lãi suất ưu đãi này chỉ được áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày khoản vay được giải ngân. Hết thời hạn ưu đãi lãi suất được điều chỉnh lại theo quy định của VIB tại thời điểm điều chỉnh và sẽ được điều chỉnh 03 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở cộng biên độ 3,49%/năm. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Cụ thể: mức lãi suất trong hạn từ ngày 06/01/2017 đến ngày 06/01/2018 là 8,49%/năm, mức lãi suất trong hạn từ ngày 07/01/2018 đến ngày 06/7/2019 là 11,89%/năm, mức lãi suất trong hạn từ ngày 07/7/2019 đến ngày 07/10/2019 là 12,09%/năm, mức lãi suất trong hạn từ ngày 08/10/2019 đến ngày 25/9/2022 là 12,29%/năm, mức lãi suất trong hạn từ ngày 26/9/2022 đến nay là 14,99%/năm; mức lãi suất quá hạn từ ngày 26/12/2017 đến ngày 06/01/2018 là 12,74%/năm, mức lãi suất quá hạn từ ngày 07/01/2018 đến ngày 06/7/2019 là 17,84%/năm, mức lãi suất quá hạn từ ngày 07/7/2019 đến ngày 07/10/2019 là 18,14%/năm, mức lãi suất quá hạn từ ngày 08/10/2019 đến ngày 25/9/2022 là 18,44%/năm, mức lãi suất quá hạn từ ngày 26/9/2022 đến nay là 22,49%/năm. Hoàn trả tiền gốc hàng tháng vào ngày 25, mỗi tháng thanh toán số tiền gốc là 11.604.000 (mười một triệu, sáu trăm lẻ bốn nghìn) đồng, tháng cuối cùng trả số tiền gốc là 11.620.000 (mười một triệu, sáu trăm hai mươi nghìn) đồng, kỳ trả nợ đầu tiên vào ngày 25/01/2017. Hoàn trả tiền lãi hàng tháng vào ngày 25. Ông B đã nhận đủ số tiền là 1.114.000.000 (một tỷ, một trăm mười bốn triệu) đồng vào ngày 06/01/2017 theo đơn đề nghị giải ngân kèm khế ước nhận nợ số 0009.KUNN.VIB643.17 ngày 06/01/2017.

Để đảm bảo cho khoản vay trên, ông B đã thế chấp tài sản là xe ô tô nhãn hiệu BMW 218i, biển kiểm soát: 51G-250.94 theo hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị/phương tiện vận tải số 0009.HDTC.VIB643.17 ngày 06/01/2022.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông B đã thanh toán được 210.065.984 (hai trăm mười triệu, không trăm sáu mươi lăm nghìn, chín trăm tám mươi bốn) đồng, trong đó tiền gốc là 129.140.111 (một trăm hai mươi chín triệu, một trăm bốn mươi nghìn, một trăm mười một) đồng và tiền lãi trong hạn là 80.925.873 (tám mươi triệu, chín trăm hai mươi lăm nghìn, tám trăm bảy mươi ba) đồng.

Do ông B vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi nên Ngân hàng A đã chuyển khoản vay thành khoản nợ quá hạn từ ngày 25/12/2017 với số tiền nợ gốc là

984.860.015 (chín trăm tám mươi bốn triệu, tám trăm sáu mươi nghìn, không trăm mười lăm) đồng. Sau khi chuyển nợ quá hạn thì ông B thanh toán được 126 (một trăm hai mươi sáu) đồng nên tổng số tiền gốc còn nợ là 984.859.889 (chín trăm tám mươi bốn triệu, tám trăm năm mươi chín nghìn, tám trăm tám mươi chín) đồng.

Nay, Ngân hàng A yêu cầu ông B phải thanh toán ngay một lần số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 06/4/2023 là 1.973.051.688 (một tỷ, chín trăm bảy mươi ba triệu, không trăm năm mươi một nghìn, sáu trăm tám mươi tám) đồng trong đó nợ gốc là 984.859.889 (chín trăm tám mươi bốn triệu, tám trăm năm mươi chín nghìn, tám trăm tám mươi chín) đồng, lãi trong hạn là 6.055.868 (sáu triệu, không trăm năm mươi lăm nghìn, tám trăm sáu mươi tám) đồng, lãi quá hạn là 982.135.931 (chín trăm tám mươi hai triệu, một trăm ba mươi lăm nghìn, chín trăm ba mươi một) đồng.

Ông B phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng A khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán kể từ ngày 07/4/2023 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc với mức lãi suất theo quy định tại hợp đồng tín dụng số 0009.HDTD.643.17 ký ngày 06/01/2017 và đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 0009.KUNN.VIB643.17 ký ngày 06/01/2017.

Hiện ông B đang quản lý, sử dụng tài sản thế chấp để đảm bảo cho khoản vay. Ngân hàng A chưa thu hồi tài sản thế chấp và không có yêu cầu giải quyết đối với tài sản thế chấp.

Ngân hàng A chỉ yêu cầu cá nhân ông B thanh toán nợ, không yêu cầu đưa thêm bất cứ người nào vào tham gia vụ kiện với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Bị đơn - ông B vắng mặt suốt quá trình tố tụng giải quyết vụ kiện mặc dù Tòa án đã thực hiện thủ tục triệu tập và niêm yết hợp lệ. Ông An cũng không gửi văn bản phản hồi đến Tòa.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên ý kiến và yêu cầu như trên, cụ thể: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán ngay một lần tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 30/5/2023 là 2.006.268.550 (hai tỷ, không trăm lẻ sáu triệu, hai trăm sáu mươi tám nghìn, năm trăm năm mươi) đồng, trong đó:

- Nợ gốc là 984.859.889 (chín trăm tám mươi bốn triệu, tám trăm năm mươi chín nghìn, tám trăm tám mươi chín) đồng.

- Lãi trong hạn là 6.055.868 (sáu triệu, không trăm năm mươi lăm nghìn, tám trăm sáu mươi tám) đồng.

- Lãi quá hạn tính đến ngày 30/5/2023 là 1.015.352.793 (một tỷ, không trăm mười lăm triệu, ba trăm năm mươi hai nghìn, bảy trăm chín mươi ba) đồng.

Bị đơn phải tiếp tục thanh toán cho nguyên đơn khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán kể từ ngày 31/5/2023 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc với mức lãi suất theo quy định tại hợp đồng tín dụng số 0009.HDTD.643.17 ký ngày 06/01/2017 và đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 0009.KUNN.VIB643.17 ký ngày 06/01/2017.

Nguyên đơn chưa thu hồi tài sản thế chấp và không có bất cứ yêu cầu gì đối với tài sản thế chấp để đảm bảo cho khoản vay là xe ô tô nhãn hiệu BMW 218i, biển kiểm soát: 51G-250.94.

Bị đơn vắng mặt không lý do mặc dù đã được Tòa triệu tập xét xử hợp lệ và cũng không gửi văn bản ý kiến đến phiên tòa.

Tại phần tranh luận,

Nguyên đơn không có ý kiến tranh luận. Bị đơn vắng mặt không có ý kiến tranh luận.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu:

1. Về thủ tục tố tụng:

1.1. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

* Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án thấy rằng, từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm này, Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 trong quá trình giải quyết vụ án. Cụ thể: Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, đúng thẩm quyền giải quyết của Tòa án, xác định vụ án thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên Tòa; việc gửi, cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng cho đương sự và Viện kiểm sát thực hiện đúng quy định từ Điều 170 đến Điều 181 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; thời hạn mở phiên tòa sau khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử tuân thủ quy định tại khoản 4 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên, Thẩm phán còn có vi phạm thời hạn giải quyết vụ án theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (trễ hạn).

* Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 trong việc xét xử sơ thẩm vụ án.

1.2. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

- Đối với nguyên đơn: Từ khi nộp đơn khởi kiện đến phiên tòa hôm nay, nguyên đơn đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Đối với bị đơn: Từ khi vụ án được thụ lý đến phiên tòa hôm nay, bị đơn không thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

2. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về án phí, do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự tại phiên tòa, phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Quan hệ tranh chấp trong vụ án là tranh chấp dân sự về Hợp đồng tín dụng. Bị đơn có địa chỉ tại quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thì vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Tòa đã tổng đạt xét xử hợp lệ triệu tập bị đơn tham gia phiên tòa sơ thẩm lần 1 mở ngày 05/5/2023 và lần 2 mở ngày 30/5/2023 nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ cùng lời trình bày của đương sự thì ông B đã ký với Ngân hàng A hợp đồng tín dụng (cho vay mua ô tô tiêu dùng) số 0009.HDTD.VIB643.17 vào ngày 06/01/2017. Hợp đồng này có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của pháp luật, các bên đều hoàn toàn tự nguyện khi ký kết hợp đồng nên phát sinh quyền và nghĩa vụ của đôi bên.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông B đã nhận đủ số tiền là 1.114.000.000 (một tỷ, một trăm mười bốn triệu) đồng vào ngày 06/01/2017 theo đơn đề nghị giải

ngân kiêm khế ước nhận nợ số 0009.KUNN.VIB643.17 ngày 06/01/2017 nhưng lại vi phạm nghĩa vụ thanh toán, không trả nợ gốc và nợ lãi đúng theo thỏa thuận. Ông B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia quá trình tố tụng giải quyết vụ án nhưng ông B vắng mặt không có lý do trong suốt quá trình Tòa án tiến hành điều tra, thu thập chứng cứ và xét xử. Cho thấy, ông B đã tự từ bỏ quyền lợi tố tụng của mình.

Ông B vi phạm nghĩa vụ thanh toán đã làm ảnh hưởng đến quyền lợi của Ngân hàng A. Do vậy, Ngân hàng A khởi kiện yêu cầu ông B thanh toán một lần tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 30/5/2023 là 2.006.268.550 (hai tỷ, không trăm lẻ sáu triệu, hai trăm sáu mươi tám nghìn, năm trăm năm mươi) đồng và tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán kể từ ngày 31/5/2023 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc với mức lãi suất theo quy định tại hợp đồng tín dụng số 0009.HDTD.643.17 ký ngày 06/01/2017 và đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 0009.KUNN.VIB643.17 ký ngày 06/01/2017 là có cơ sở, phù hợp với quy định tại Điều 1.5 của Hợp đồng tín dụng; Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91 Luật, Điều 95 các tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 1 Điều 1 Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận; khoản 2 Điều 11 Quy chế cho vay của Tổ chức tín dụng đối với khách hàng được ban hành theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước được sửa đổi, bổ sung bằng Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03-2-2005; Điều 8, Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

Ngân hàng A không yêu cầu xử lý đối với tài sản thế chấp là xe ô tô nhãn hiệu BMW 218i, biển kiểm soát: 51G-250.94 nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết đối với tài sản thế chấp.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử thiết nghĩ yêu cầu của Ngân hàng A hoàn toàn có cơ sở để chấp nhận toàn bộ, cần buộc ông B phải thanh toán số tiền 2.006.268.550 (hai tỷ, không trăm lẻ sáu triệu, hai trăm sáu mươi tám nghìn, năm trăm năm mươi) đồng cho Ngân hàng A ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật; ông B còn phải tiếp tục trả lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán với mức lãi suất theo quy định tại hợp đồng tín dụng số 0009.HDTD.643.17 ký ngày 06/01/2017 và đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 0009.KUNN.VIB643.17 ký ngày 06/01/2017 theo như ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh tại phiên tòa.

[4] Về án phí:

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, án phí dân sự sơ thẩm là 72.125.371 (bảy mươi hai triệu, một trăm hai mươi lăm nghìn, ba trăm bảy mươi mốt) đồng, bị đơn phải chịu do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ.

Nguyên đơn được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 61.778.000 (sáu mươi một triệu, bảy trăm bảy mươi tám nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0089967 ngày 24/8/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 146, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ vào Luật phí và lệ phí;

Căn cứ vào Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Buộc ông B thanh toán cho Ngân hàng A ngay một lần tổng số tiền còn nợ là 2.006.268.550 (hai tỷ, không trăm lẻ sáu triệu, hai trăm sáu mươi tám nghìn, năm trăm năm mươi) đồng, trong đó:

- Nợ gốc là 984.859.889 (chín trăm tám mươi bốn triệu, tám trăm năm mươi chín nghìn, tám trăm tám mươi chín) đồng,

- Lãi trong hạn là 6.055.868 (sáu triệu, không trăm năm mươi lăm nghìn, tám trăm sáu mươi tám) đồng,

- Lãi quá hạn tính đến ngày 30/5/2023 là 1.015.352.793 (một tỷ, không trăm mười lăm triệu, ba trăm năm mươi hai nghìn, bảy trăm chín mươi ba) đồng.

Thi hành ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông B còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc với mức lãi suất theo quy định tại hợp đồng tín dụng số 0009.HDTD.643.17 ký ngày 06/01/2017 và đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 0009.KUNN.VIB643.17 ký ngày 06/01/2017. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 72.125.371 (bảy mươi hai triệu, một trăm hai mươi lăm nghìn, ba trăm bảy mươi mốt) đồng, ông Võ Trường An phải nộp.

Hoàn lại cho Ngân hàng A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 61.778.000 (sáu mươi một triệu, bảy trăm bảy mươi tám nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0089967 ngày 24/8/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Án xử công khai. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày niêm yết hoặc tổng đạt hợp lệ bản án.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND TP.Hồ Chí Minh;
- VKSND quận Bình Thạnh;
- Chi Cục THADS quận Bình Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu VP; Hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thiện Liên Hương

